

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/ HNGĐ - ST

Ngày: 12/11/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Bà Phạm Ngọc Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 77/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 112/TB-TA ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Mai Thị Bích X, sinh năm: 1990

Địa chỉ: tổ A, ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* anh Trần Trung D, sinh năm: 1982

Địa chỉ: tổ B, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: Ông Trần Trung A, sinh năm 1950

Địa chỉ: tổ B, ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Mai Thị Bích X trình bày: chị và anh Trần Trung D tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/2017. Đây là lần kết hôn thứ hai của cả hai, hai lần kết hôn trước anh chị đã được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D sống không quan tâm chăm sóc vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình và có quan hệ ngoại tình. Chị cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng anh D không thay đổi. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa

án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Trung N, sinh ngày 17/7/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Trần Trung D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Mai Thị Bích X có đơn yêu cầu ly hôn với anh Trần Trung D và giải quyết vấn đề nuôi con chung nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Mai Thị Bích X yêu cầu ly hôn với anh Trần Trung D nên chị X là nguyên đơn, còn anh D là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Mai Thị Bích X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X. Đối với bị đơn anh Trần Trung D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 18/10/2019 và phiên tòa lần thứ hai vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 12/11/2019 nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành nên căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị X và anh D kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn theo chị X nguyên nhân mâu thuẫn do anh D không quan tâm chăm sóc vợ con và có quan hệ ngoại tình, chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh D không thay đổi. Anh D vắng mặt nên không có ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, theo ông Trần Trung A là cha ruột anh D thì vợ chồng anh D và chị X có mâu thuẫn như chị X trình bày là đúng. Đồng thời, theo ông A thấy thì anh D không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X.

[5] Về con chung: chị X yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Trung N, sinh ngày 17/7/2017 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D vắng mặt nên không có lời khai về con chung. Tuy nhiên, theo ông A và chị X cho biết thì hiện nay cháu N sống cùng ông bà nội, hàng tháng chị vẫn gửi tiền về cho ông bà nội nuôi dưỡng cháu N và chị X vẫn thường xuyên về thăm cháu N. Ngoài ra, do cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nên xét thấy giao cháu N cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung và anh D vắng mặt nên không có lời khai. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị X, tạm thời anh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: chị X khai không có, anh D vắng mặt nên không có lời khai về tài sản chung. Tuy nhiên, theo ông A cha ruột anh D thì tài sản chung của anh D chị X là không có nên không xem xét tài sản chung của chị X và anh D.

[7] Về nợ chung: chị X khai không có, theo ông A cha ruột anh D thì anh D chị X không có nợ chung và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng.

+ Về nội dung vụ án: Cho chị X ly hôn anh D; giao cháu Trần Trung N, sinh ngày 17/7/2017 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh D không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Bích X.

- Về quan hệ hôn nhân: cho chị Mai Thị Bích X ly hôn anh Trần Trung D.

- Về con chung: Giao cháu Trần Trung N, sinh ngày 17/7/2017 cho chị Mai Thị Bích X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh Trần Trung D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh D, chị X được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: chị X khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà chị X đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004972 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị X đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát huyện C;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã X;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thùy Trang